



Trách nhiệm mở rộng của Nhà sản xuất (EPR - Extended Producer Responsibility)

Lê Lương Anh

Công ty TNHH TƯ VẤN e-Policy





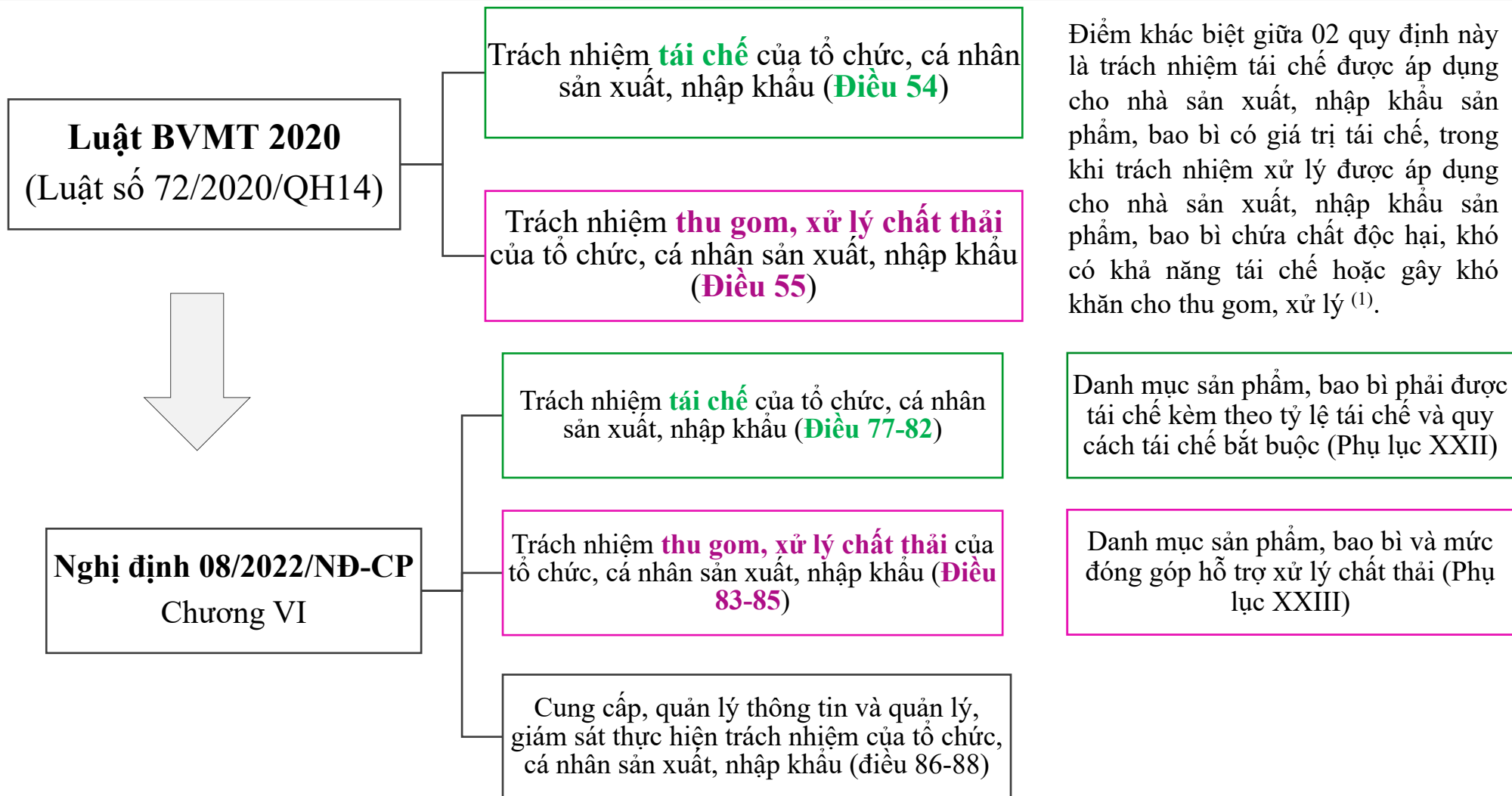
Nội dung chính

- I. Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR)
 - 1. Giới thiệu chung về hệ thống trách nhiệm EPR
 - 2. Trách nhiệm tái chế
 - 3. Trách nhiệm xử lý
- II. Hệ thống đăng ký, báo cáo



Giới thiệu chung về Trách nhiệm mở rộng của Nhà sản xuất, nhập khẩu

1.1 Trách nhiệm mở rộng của Nhà sản xuất, nhập khẩu



1.1 Trách nhiệm mở rộng của Nhà sản xuất, nhập khẩu

“Nghị định 08/2022/NĐ-CP - Điều 77. Đối tượng, lộ trình thực hiện trách nhiệm tái chế

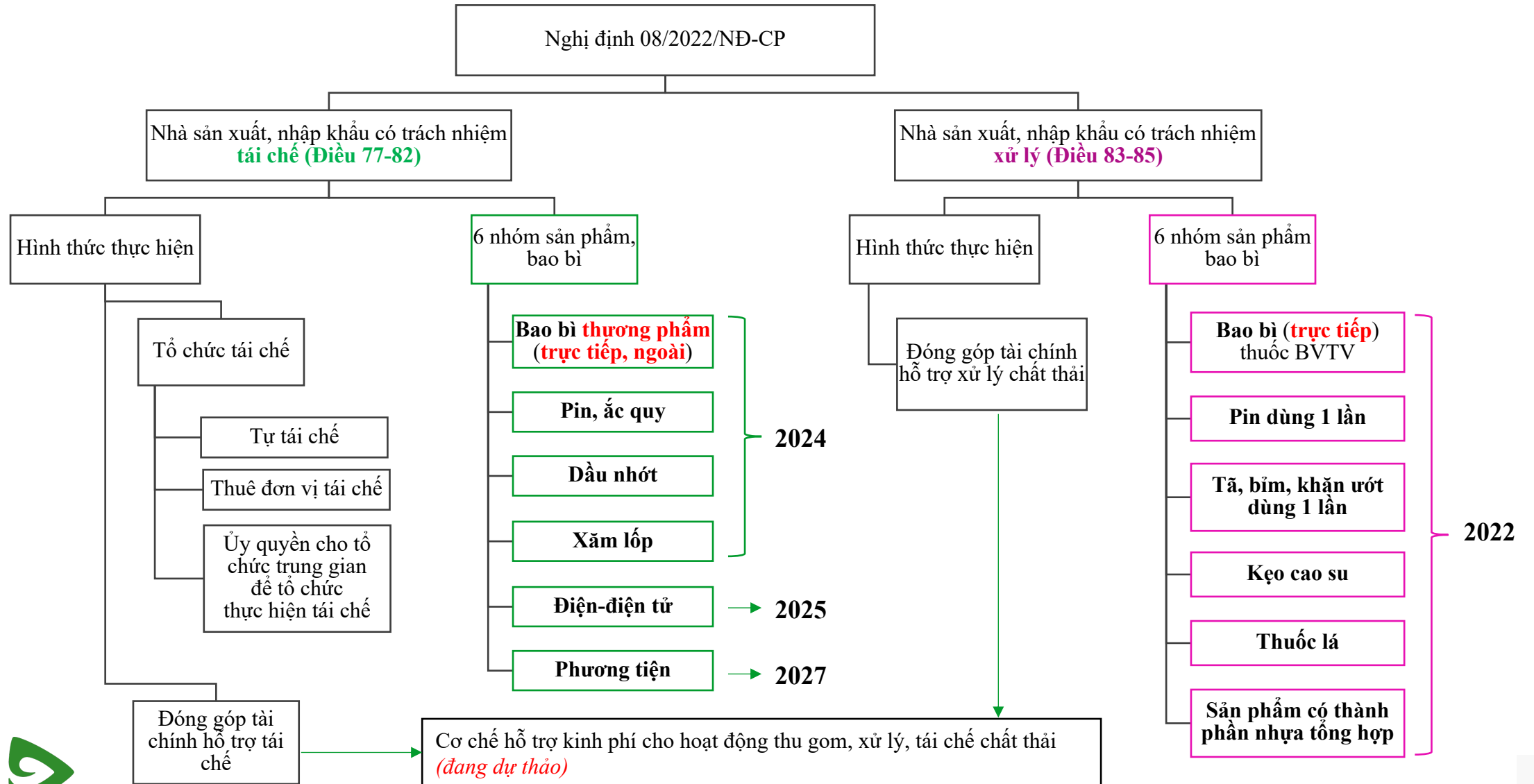
1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu (sau đây gọi chung là nhà sản xuất, nhập khẩu) các sản phẩm, bao bì quy định tại Cột 3 Phụ lục XXII ban hành kèm theo Nghị định này để đưa ra thị trường Việt Nam phải thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì đó theo tỷ lệ, quy cách tái chế bắt buộc quy định tại Điều 78 Nghị định này.

Dự thảo Sửa đổi

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu (sau đây gọi chung là nhà sản xuất, nhập khẩu) các sản phẩm, bao bì quy định tại Cột 3 Phụ lục XXII ban hành kèm theo Nghị định này để đưa ra thị trường Việt Nam phải thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì đó theo tỷ lệ, quy cách tái chế bắt buộc quy định tại Điều 78 Nghị định này.

Nhà sản xuất quy định tại khoản này là tổ chức, cá nhân trực tiếp sản xuất hoặc bên đặt gia công trong trường hợp gia công theo quy định của pháp luật thương mại. Nhà nhập khẩu quy định tại khoản này là tổ chức, cá nhân trực tiếp nhập khẩu hoặc bên ủy thác nhập khẩu trong trường hợp ủy thác nhập khẩu theo quy định của pháp luật thương mại.

1.1 Trách nhiệm mở rộng của Nhà sản xuất, nhập khẩu



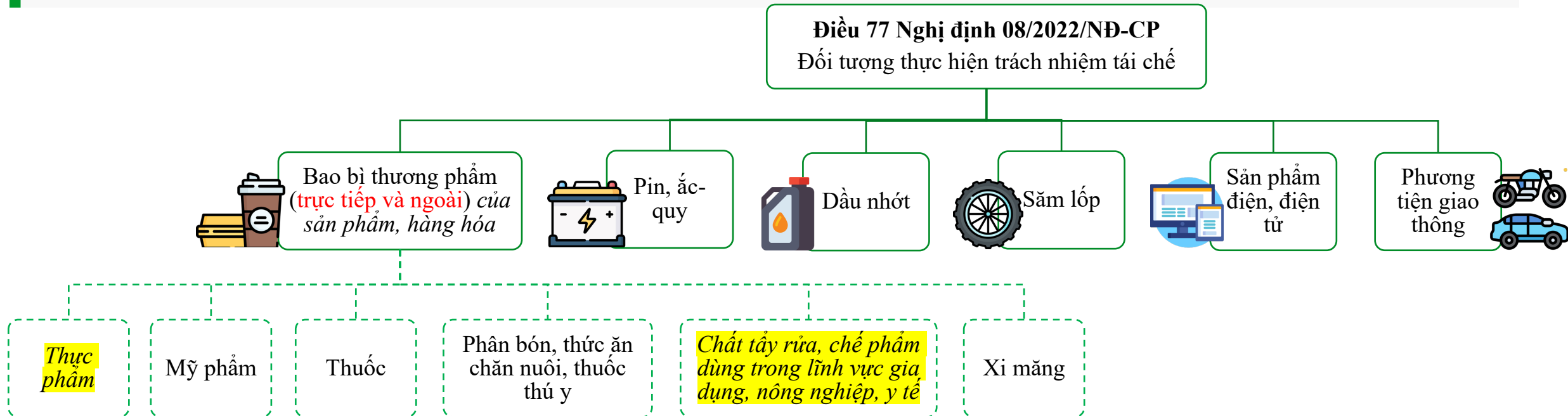
Cơ chế cung cấp, quản lý thông tin



Trách nhiệm Tái chế của Nhà sản xuất, nhập khẩu



1.2 Trách nhiệm tái chế



“Nghị định 43/2017/NĐ-CP về Nhãn Hàng hóa (14.04.2017) – Điều 3. Giải thích từ ngữ

5. **Bao bì thương phẩm** của hàng hóa là bao bì chứa đựng hàng hóa và lưu thông cùng với hàng hóa; bao bì thương phẩm của hàng hóa gồm hai loại: **Bao bì trực tiếp** và **bao bì ngoài**:

a) **Bao bì trực tiếp** là bao bì chứa đựng hàng hóa, tiếp xúc trực tiếp với hàng hóa, tạo ra hình khối hoặc bọc kín theo hình khối của hàng hóa;

b) **Bao bì ngoài** là bao bì dùng để bao gói một hoặc một số đơn vị hàng hóa có bao bì trực tiếp.”

1.2 Trách nhiệm tái chế

“**Nghị định 43/2017/NĐ-CP về Nhãn Hàng hóa (14.04.2017) – Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định nội dung, cách ghi và quản lý nhà nước về nhãn đối với hàng hóa lưu thông tại Việt Nam, hàng hóa nhập khẩu.
2. Những hàng hóa sau đây không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này:
 - a) Bất động sản;
 - b) Hàng hóa tạm nhập tái xuất; hàng hóa tạm nhập để tham gia hội chợ, triển lãm sau đó tái xuất; hàng hóa quá cảnh, hàng hóa chuyển khẩu; hàng hóa trung chuyển;
 - c) Hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh; tài sản di chuyển;
 - d) Hàng hóa bị tịch thu bán đấu giá;
 - đ) Hàng hóa là thực phẩm tươi, sống, thực phẩm chế biến không có bao bì và bán trực tiếp cho người tiêu dùng;*
 - e) Hàng hóa là nhiên liệu, nguyên liệu (nông sản, thủy sản, khoáng sản), vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vôi, cát, đá, sỏi, xi măng, đất màu, vữa, hỗn hợp bê tông thương phẩm), phế liệu (trong sản xuất, kinh doanh) không có bao bì và bán trực tiếp cho người tiêu dùng;*
 - g) Hàng hóa là xăng dầu, khí (LPG, CNG, LNG) chất lỏng, xi măng rời không có bao bì thương phẩm đựng trong container, xi tec;...”

1.2 Trách nhiệm tái chế

“Nghị định 08/2022/NĐ-CP - Điều 77. Đối tượng, lộ trình thực hiện trách nhiệm tái chế

3. Các đối tượng sau đây không phải thực hiện trách nhiệm tái chế .

- a) Nhà sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm, bao bì để xuất khẩu hoặc tạm nhập, tái xuất hoặc sản xuất, nhập khẩu cho mục đích *nghiên cứu, học tập, thử nghiệm* theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Bảo vệ môi trường.
- b) Nhà sản xuất bao bì quy định tại khoản 1 Điều này có **doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ của năm trước dưới 30 tỷ đồng**;
- c) Nhà nhập khẩu bao bì quy định tại khoản 1 Điều này có **tổng giá trị nhập khẩu (tính theo trị giá hải quan) của năm trước dưới 20 tỷ đồng**.

1.2 Tỷ lệ tái chế bắt buộc với quy cách tái chế bắt buộc

Tỷ lệ tái chế bắt buộc = $\frac{\text{khối lượng sản phẩm, bao bì tối thiểu phải được tái chế theo quy cách tái chế bắt buộc}}{\text{tổng khối lượng sản phẩm, bao bì sản xuất được đưa ra thị trường và nhập khẩu trong năm thực hiện trách nhiệm}}$

Tỷ lệ tái chế bắt buộc là tỷ lệ khối lượng sản phẩm, bao bì tối thiểu phải được tái chế theo quy cách tái chế bắt buộc trên tổng khối lượng sản phẩm, bao bì sản xuất được đưa ra thị trường và nhập khẩu trong năm thực hiện trách nhiệm.

Quy cách tái chế bắt buộc là các giải pháp tái chế được lựa chọn kèm theo yêu cầu tối thiểu về lượng vật liệu, nhiên liệu được thu hồi đối với tái chế sản phẩm, bao bì

**Chi tiết tại Cột 4 Phụ lục 22
Nghị định 08/2022/NĐ-CP**
(Điều chỉnh **03 năm một lần**, tăng dần theo yêu cầu bảo vệ môi trường)

**Chi tiết tại Cột 5 Phụ lục 22
Nghị định 08/2022/NĐ-CP**
(Có thể lựa chọn một trong nhiều giải pháp tái chế cụ thể)

1.2 Trách nhiệm tái chế

“Điều 78. Tỷ lệ tái chế, quy cách tái chế bắt buộc

1. **Tỷ lệ tái chế bắt buộc** là tỷ lệ khối lượng sản phẩm, bao bì tối thiểu phải **được tái chế** theo **quy cách tái chế bắt buộc** trên tổng khối lượng sản phẩm, bao bì sản xuất được đưa ra thị trường và nhập khẩu trong năm thực hiện trách nhiệm.”

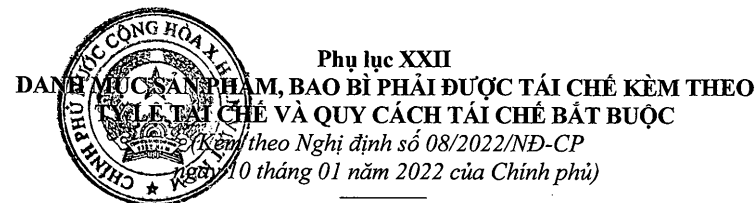
Ví dụ: Nhãn hàng A đưa ra thị trường 100.000 lon nhôm nặng 10 (g). Thì khối lượng nhôm nhãn hàng này phải tái chế và thu hồi được là:

- Khối lượng nhôm tối thiểu phải được (thu gom) tái chế:

$$M (\text{tái chế}) = (100.000 * 10) * 22\% = 220.000 (\text{g}) = 220 \text{ kg (nhôm)}$$

- Khối lượng sau khi tái chế phải đạt được tối thiểu:

$$M (\text{thu hồi}) = 220 * 40\% = 88 \text{ kg (phôi nhôm, sản phẩm nhôm)}$$



TT (1)	Phân nhóm sản phẩm, bao bì (2)	Danh mục sản phẩm, bao bì (3)	Tỷ lệ tái chế bắt buộc cho 3 năm đầu tiên (4)	Quy cách tái chế bắt buộc (Thu hồi tối thiểu 40% khối lượng của sản phẩm, bao bì được tái chế theo tỷ lệ tái chế bắt buộc) (5)
A. BAO BÌ				
1	A.1. Bao bì giấy	A.1.1. Bao bì giấy, carton	20%	Giải pháp tái chế được lựa chọn: 1. Sản xuất bột giấy thương phẩm. 2. Sản xuất các sản phẩm giấy như giấy vệ sinh, giấy bìa, hộp giấy hoặc các sản phẩm khác.
2		A.1.2. Bao bì giấy hỗn hợp	15%	Giải pháp tái chế được lựa chọn: 1. Sản xuất bột giấy, phôi kim loại và tấm vật liệu thương phẩm. 2. Sản xuất các sản phẩm giấy như giấy vệ sinh, giấy bìa, hộp giấy; tấm vật liệu thương phẩm hoặc các sản phẩm khác.
3	A.2. Bao bì kim loại	A.2.1. Bao bì nhôm	22%	Giải pháp tái chế được lựa chọn: 1. Sản xuất phôi nhôm sử dụng làm nguyên liệu sản xuất cho các ngành công nghiệp. 2. Sản xuất các sản phẩm khác.

1.2 Trách nhiệm tái chế

“Nghị định 08/2022/NĐ-CP - Điều 78. Tỷ lệ tái chế, quy cách tái chế bắt buộc

1. **Tỷ lệ tái chế bắt buộc** là tỷ lệ khối lượng sản phẩm, bao bì tối thiểu phải **được tái chế** theo **quy cách tái chế bắt buộc** trên tổng khối lượng sản phẩm, bao bì sản xuất được đưa ra thị trường và nhập khẩu trong năm thực hiện trách nhiệm.

3. Nhà sản xuất, nhập khẩu được tái chế các sản phẩm, bao bì do mình sản xuất, nhập khẩu hoặc ***tái chế sản phẩm, bao bì cùng loại*** quy định tại Cột 3 Phụ lục XXII ban hành kèm theo Nghị định này do nhà sản xuất, nhập khẩu khác sản xuất, nhập khẩu để đạt được tỷ lệ tái chế bắt buộc. Việc tái chế phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất không được tính vào tỷ lệ tái chế bắt buộc của nhà sản xuất, nhập khẩu.

4. Trường hợp nhà sản xuất, nhập khẩu thực hiện tái chế cao hơn tỷ lệ tái chế bắt buộc quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì được bảo lưu phần tỷ lệ chênh lệch để tính vào tỷ lệ tái chế bắt buộc của các năm tiếp theo.

6. Quy cách tái chế bắt buộc là các giải pháp tái chế được lựa chọn kèm theo yêu cầu tối thiểu về lượng vật liệu, nhiên liệu được thu hồi đối với tái chế sản phẩm, bao bì. Quy cách bắt buộc đối với từng sản phẩm, bao bì được quy định tại Cột 5 Phụ lục XXII ban hành kèm theo Nghị định này

1.2 Trách nhiệm tái chế

“Nghị định 08/2022/NĐ-CP - Điều 79. Hình thức thực hiện trách nhiệm tái chế

2. Trường hợp nhà sản xuất, nhập khẩu lựa chọn hình thức tổ chức tái chế theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 54 Luật Bảo vệ môi trường, nhà sản xuất, nhập khẩu tự quyết định việc tái chế theo các cách thức sau đây:

- a) Tự thực hiện tái chế;
- b) Thuê đơn vị tái chế để thực hiện tái chế;
- c) Ủy quyền cho tổ chức trung gian để tổ chức thực hiện tái chế (sau đây viết tắt là bên được ủy quyền);
- d) Kết hợp cách thức quy định tại các điểm a, b và c khoản này.*

→ (Dự thảo sửa đổi) Bãi bỏ điểm d khoản 2.

5. Bên được ủy quyền tổ chức tái chế quy định tại điểm c khoản 2 Điều này phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- a) Có tư cách pháp nhân và được thành lập theo quy định của pháp luật;*
- b) Không trực tiếp tái chế và không có quan hệ sở hữu với bất kỳ đơn vị tái chế nào liên quan đến phạm vi được ủy quyền;
- c) Được ít nhất 03 nhà sản xuất, nhập khẩu đồng ý ủy quyền tổ chức tái chế.*

→ (Dự thảo sửa đổi) bổ sung điểm a và điểm c khoản 5 như sau:

“a) Có tư cách pháp nhân, được thành lập theo quy định của pháp luật và hoạt động không vì mục đích lợi nhuận;”

“c) Được ít nhất 03 nhà sản xuất, nhập khẩu thuộc đối tượng thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì ký hợp đồng ủy quyền tổ chức tái chế.”

1.2 Trách nhiệm tái chế

“Nghị định 08/2022/NĐ-CP - Điều 80. Đăng ký kế hoạch và báo cáo kết quả tái chế

1. Nhà sản xuất, nhập khẩu **đăng ký kế hoạch tái chế hằng năm và báo cáo kết quả tái chế** của năm trước về Bộ Tài nguyên và Môi trường trước **ngày 31 tháng 3 hằng năm**; trường hợp nhà sản xuất, nhập khẩu **ủy quyền toàn bộ cho bên được ủy quyền thì bên được ủy quyền có trách nhiệm đăng ký, báo cáo thay cho nhà sản xuất, nhập khẩu.**

Việc đăng ký kế hoạch tái chế được tính theo khối lượng sản phẩm, bao bì sản xuất được đưa ra thị trường của năm liền trước đó. Nhà sản xuất, nhập khẩu hoặc bên được ủy quyền chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin đăng ký kế hoạch tái chế, báo cáo kết quả tái chế.

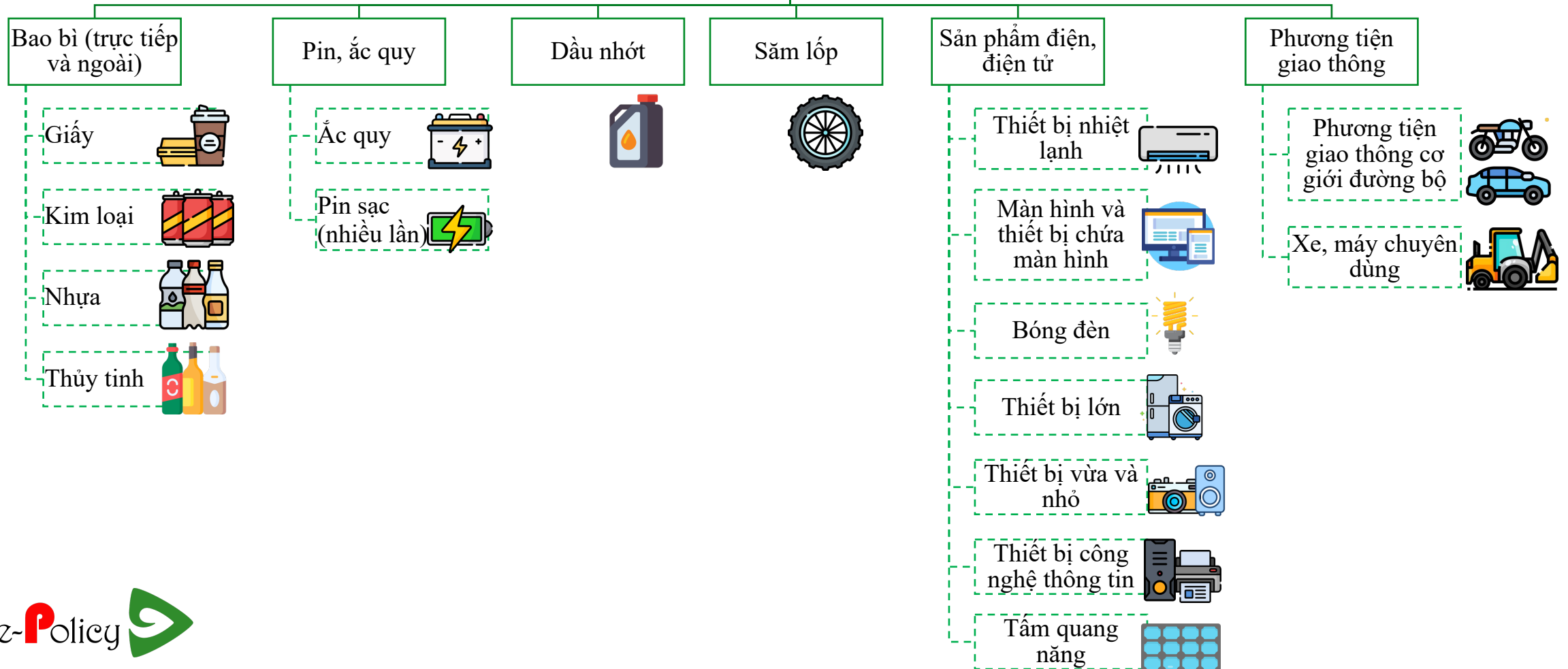
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mẫu đăng ký kế hoạch tái chế và mẫu báo cáo kết quả tái chế quy định tại khoản này.

2. Trường hợp khối lượng sản phẩm, bao bì thực tế sản xuất được đưa ra thị trường và nhập khẩu **nhiều hơn so với kế hoạch tái chế** đã đăng ký thì nhà sản xuất, nhập khẩu phải **bổ sung khối lượng chênh lệch vào kế hoạch tái chế của năm tiếp theo.**

Trường hợp khối lượng sản phẩm, bao bì thực tế sản xuất được đưa ra thị trường và nhập khẩu **ít hơn so với kế hoạch tái chế đã đăng ký** thì nhà sản xuất, nhà nhập khẩu được thực hiện, báo cáo kết quả tái chế **theo khối lượng sản phẩm, bao bì thực tế sản xuất được đưa ra thị trường và nhập khẩu.**

1.2 Trách nhiệm tái chế

Phụ lục XXII Nghị định 08/2022/NĐ-CP
Danh mục sản phẩm, bao bì phải được tái chế kèm theo **tỷ lệ tái chế** và **quy cách tái chế** bắt buộc



1.2 Hai hình thức thực hiện trách nhiệm tái chế

Tổ chức tái chế

- Tự mình tổ chức tái chế
- Thuê đơn vị tái chế
- Ủy quyền cho PRO
- *Kết hợp cả ba cách thức trên*

Đăng ký → Thực hiện → Báo cáo

Đóng góp tài chính hỗ trợ tái chế

- kê khai nộp tiền
- Nộp tiền vào Quỹ BVMT Việt Nam

$$F = R \times V \times Fs$$

F: số tiền phải đóng cho Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam

R: tỷ lệ tái chế bắt buộc

V: lượng sản phẩm, bao bì đưa ra thị trường

Fs: định mức chi phí tái chế sản phẩm, bao bì

“Nghị định 08/2022/NĐ-CP - Điều 81. Đóng góp tài chính vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam

1. Đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam của từng loại sản phẩm, bao bì (F) được xác định theo công thức: $F = R \times V \times Fs$, trong đó:

F là tổng số tiền mà nhà sản xuất, nhập khẩu phải đóng cho Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam theo từng loại sản phẩm, bao bì (đơn vị tính: đồng);

R là tỷ lệ tái chế bắt buộc của từng loại sản phẩm, bao bì quy định tại khoản 1 Điều 78 Nghị định này (đơn vị tính: %);

V là khối lượng sản phẩm, bao bì sản xuất, đưa ra thị trường và nhập khẩu trong năm thực hiện trách nhiệm tái chế (đơn vị tính: kg);

Fs là định mức chi phí tái chế hợp lý, hợp lệ đối với một đơn vị khối lượng sản phẩm, bao bì, bao gồm chi phí phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế sản phẩm, bao bì và chi phí quản lý hành chính hỗ trợ thực hiện trách nhiệm tái chế của nhà sản xuất, nhập khẩu (đơn vị tính: đồng/kg).

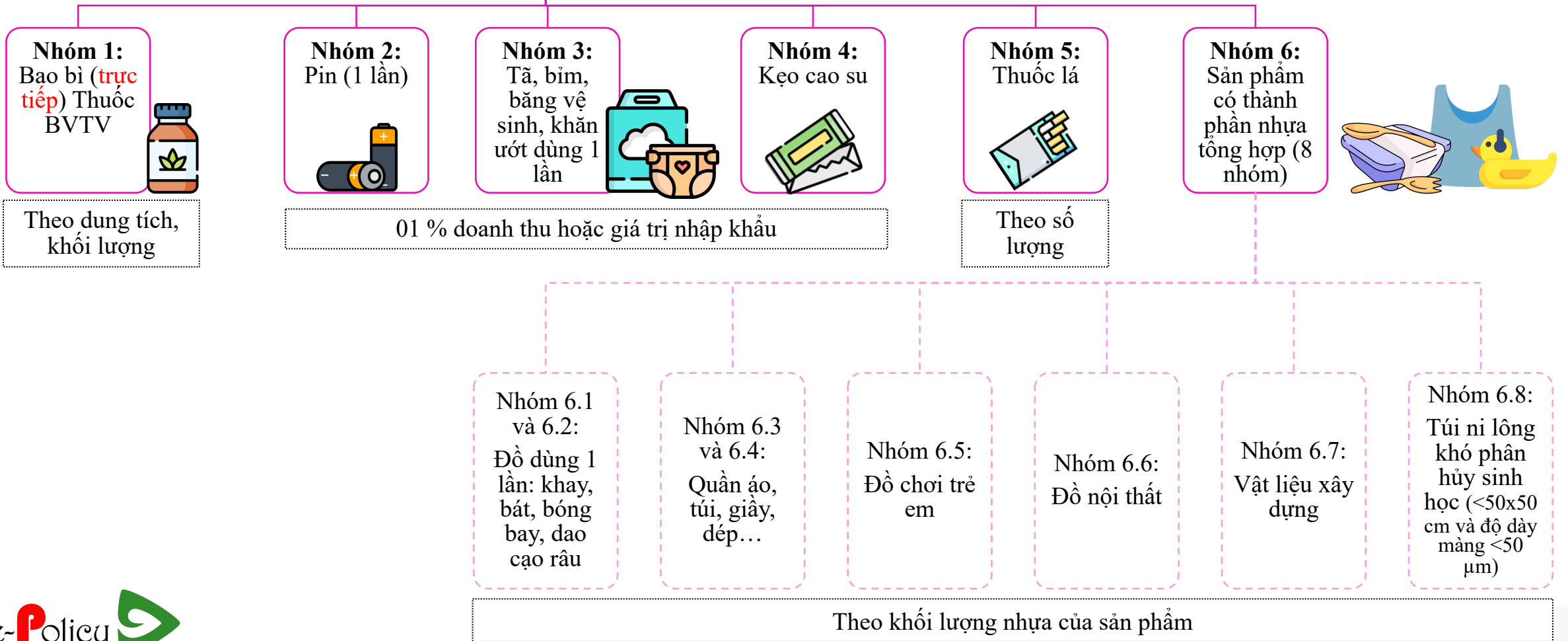
2. Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Fs cho từng sản phẩm, bao bì và điều chỉnh Fs theo **chu kỳ 03 năm một lần.**”



Trách nhiệm Xử lý của Nhà sản xuất, nhập khẩu

1.3 Trách nhiệm xử lý

Phụ lục 23 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
Danh mục sản phẩm, bao bì và mức đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải



1.3 Trách nhiệm xử lý

“Nghị định 08/2022/NĐ-CP - Điều 83. Đối tượng, mức đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ các hoạt động xử lý chất thải

1. Nhà sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm, bao bì quy định tại Cột 2 Phụ lục XXIII ban hành kèm theo Nghị định này để đưa ra thị trường Việt Nam có trách nhiệm đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ các hoạt động xử lý chất thải, trừ các trường hợp sau đây:

a) Nhà sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, bao bì để xuất khẩu hoặc tạm nhập, tái xuất hoặc sản xuất, nhập khẩu cho mục đích nghiên cứu, học tập, thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 55 Luật Bảo vệ môi trường;

b) Nhà sản xuất có doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ của năm trước dưới 30 tỷ đồng;

c) Nhà nhập khẩu có tổng giá trị nhập khẩu (tính theo trị giá hải quan) của năm trước dưới 20 tỷ đồng.

→ (Dự thảo sửa đổi, bổ sung) điểm b khoản 1 như sau:

“b) Nhà sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, bao bì có ***tổng doanh thu từ bán sản phẩm, bao bì quy định tại cột 2*** Phụ lục XXIII ban hành kèm theo Nghị định này của năm trước ***dưới 30 tỷ đồng***.”

Nhà sản xuất quy định tại khoản này là tổ chức, cá nhân trực tiếp sản xuất hoặc bên đặt gia công trong trường hợp gia công theo quy định của pháp luật thương mại. Nhà nhập khẩu quy định tại khoản này là tổ chức, cá nhân trực tiếp nhập khẩu hoặc bên ủy thác nhập khẩu trong trường hợp ủy thác nhập khẩu theo quy định của pháp luật thương mại.”

b) Bãi bỏ điểm c khoản 1.

1.3 Trách nhiệm xử lý

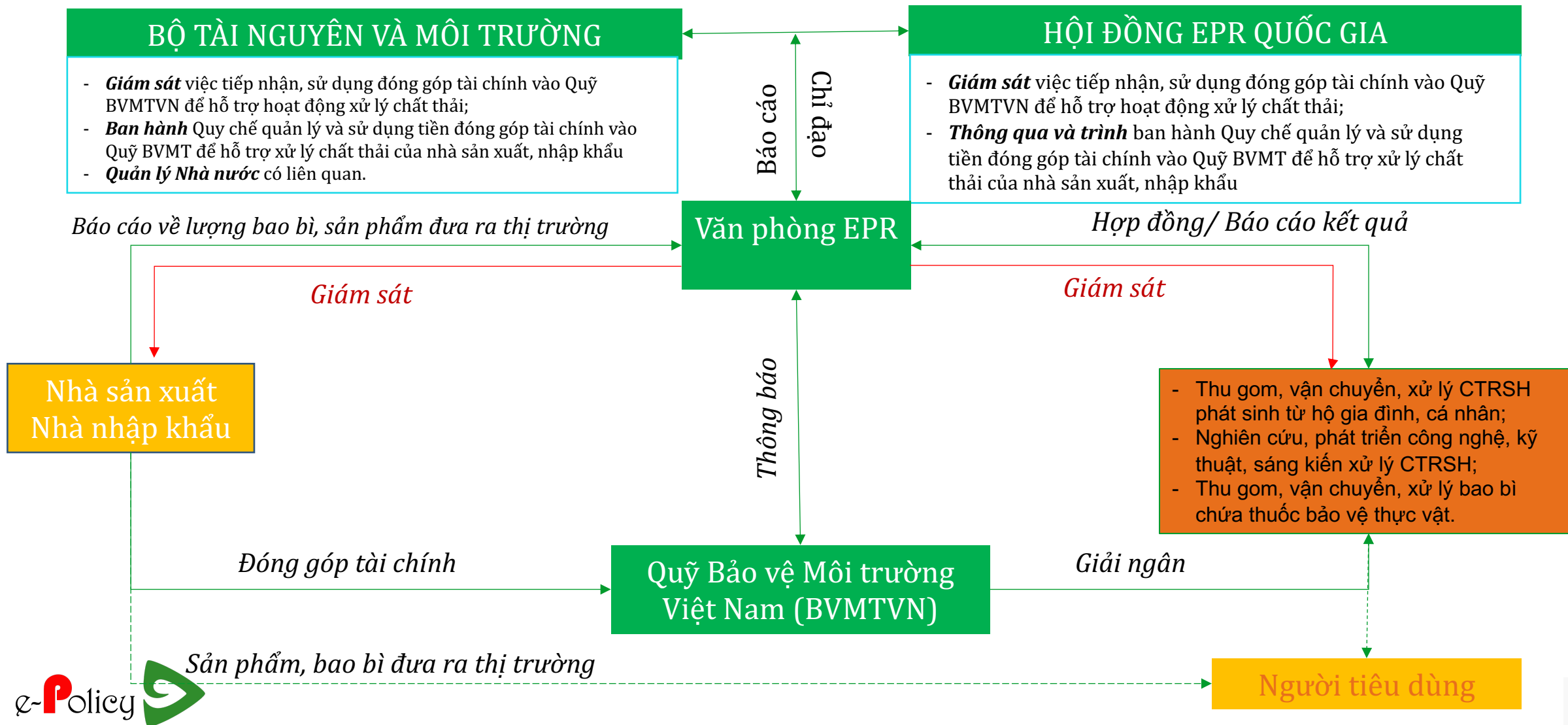
“Nghị định 08/2022/NĐ-CP - Điều 83. Đối tượng, mức đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ các hoạt động xử lý chất thải

3. Mức đóng góp tài chính cụ thể đối với từng sản phẩm, bao bì được quy định tại các Cột 3, 4 và 5 Phụ lục XXIII ban hành kèm theo Nghị định này.

→ (Dự thảo sửa đổi, bổ sung) khoản 3 như sau:

“3. Mức đóng góp tài chính cụ thể đối với từng sản phẩm, bao bì được quy định tại các Cột 3, 4 và 5 Phụ lục XXIII ban hành kèm theo Nghị định này. Nhà sản xuất, nhập khẩu được hạch toán khoản đóng góp tài chính để hỗ trợ các hoạt động xử lý chất thải vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp nếu có chứng từ nộp khoản đóng góp tài chính để hỗ trợ các hoạt động xử lý chất thải theo quy định.”

Mô hình thực hiện Trách nhiệm Xử lý

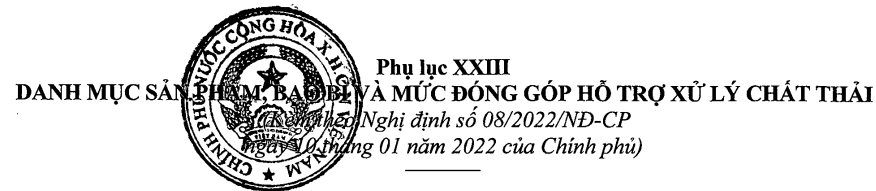


1.3 Trách nhiệm xử lý

“Điều 83. Đối tượng, mức đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ các hoạt động xử lý chất thải

3. Mức đóng góp tài chính cụ thể đối với từng sản phẩm, bao bì được quy định tại các Cột 3, 4 và 5 Phụ lục XXIII ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Mức đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam để hỗ trợ các hoạt động xử lý chất thải được **điều chỉnh 05 năm một lần** tăng dần theo yêu cầu bảo vệ môi trường.”



TT (1)	Loại sản phẩm, bao bì (2)	Định dạng (3)	Dung tích/kích thước (4)	Mức đóng góp hỗ trợ xử lý chất thải (5)
1	Bao bì thuốc bảo vệ thực vật	Chai, hộp nhựa	Nhỏ hơn 500 ml	50 đồng/cái
			Từ 500 ml trở lên	100 đồng/cái
		Bao, gói, túi nhựa	Nhỏ hơn 100 g	20 đồng/cái
			Từ 100 g đến dưới 500 g	50 đồng/cái
		Chai, bình thủy tinh	Nhỏ hơn 500 ml	150 đồng/cái
			Từ 500 ml trở lên	250 đồng/cái
		Chai, lọ, bình, hộp kim loại	Nhỏ hơn 500 ml	150 đồng/cái
			Từ 500 ml trở lên	250 đồng/cái
2	Pin dùng một lần các loại	Tất cả	Tất cả	01% doanh thu của sản phẩm đối với trường hợp sản xuất hoặc 01% giá trị nhập khẩu của sản phẩm đối với trường hợp nhập khẩu
3	Tã lót, bím, băng vệ sinh, khăn ướt dùng một lần	Tất cả	Tất cả	01% doanh thu của sản phẩm đối với trường hợp sản xuất hoặc 01% giá trị nhập khẩu của sản phẩm đối với trường hợp nhập khẩu

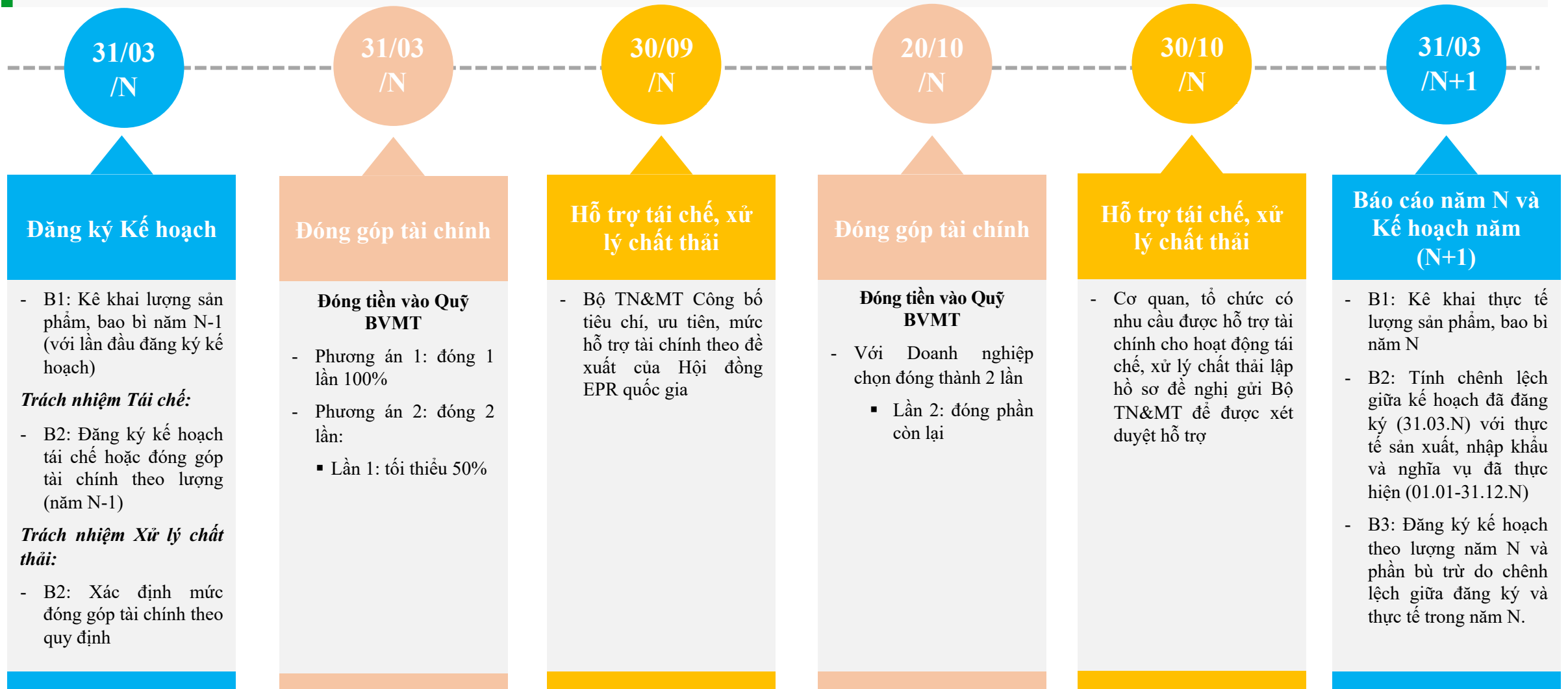
4	Kẹo cao su	Tất cả	Tất cả	01% doanh thu của sản phẩm đối với trường hợp sản xuất hoặc 01% giá trị nhập khẩu của sản phẩm đối với trường hợp nhập khẩu
5	Thuốc lá	Tất cả	Tất cả	60 đồng/20 điếu
6	Sản phẩm có thành phần nhựa tổng hợp			
6.1	Khay, bát, đĩa, ly, cốc, dao, kéo, thìa, thìa, đĩa, ống hút, que khuấy, hộp đựng, màng bọc thực phẩm sử dụng một lần	Tất cả	Tất cả	1.500 đồng/01 kg nhựa được sử dụng
6.2	Bóng bay, băng keo dán, tấm bông tai, tấm chỉ kẻ răng; bàn chải đánh răng dùng một lần; kem đánh răng dùng một lần; dầu gội, dầu xả dùng một lần; dao cạo râu dùng một lần			
6.3	Quần, áo các loại và phụ kiện			
6.4	Đồ da, túi, giày, dép các loại			
6.5	Đồ chơi trẻ em các loại			
6.6	Đồ nội thất các loại			
6.7	Vật liệu xây dựng các loại			
6.8	Túi ni lông khó phân hủy sinh học có kích thước nhỏ hơn 50 cm x 50 cm và độ dày một lớp màng nhỏ hơn 50 μm			

II. Đăng ký, báo cáo Trách nhiệm Tái chế / Xử lý chất thải

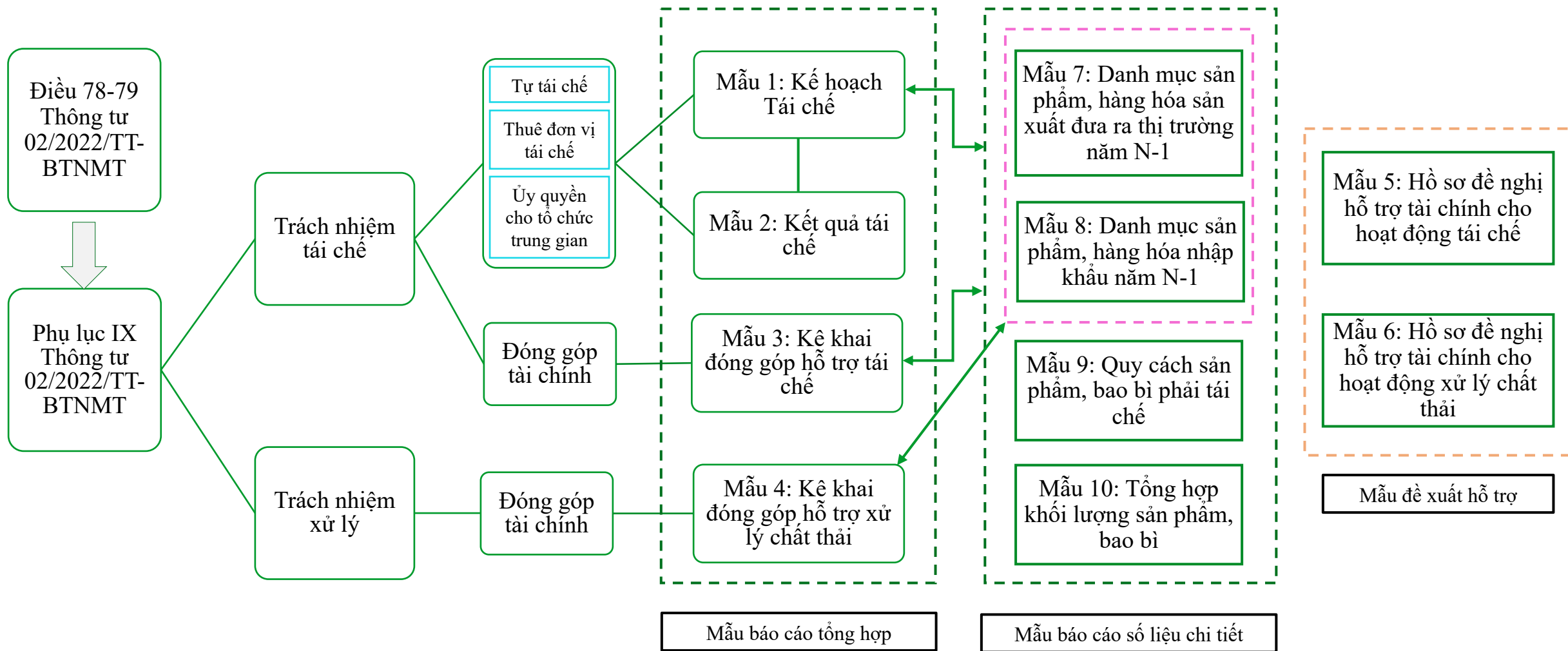
Quy trình và biểu mẫu báo cáo



2.1 Quy trình và biểu mẫu báo cáo



2.1 Quy trình và biểu mẫu báo cáo



2.1 Công đăng ký EPR (thử nghiệm: <https://epr.uiza.vn/>)

ĐĂNG NHẬP HỆ THỐNG KÊ KHAI

Mã số thuế

Mật khẩu

Nhập mã xác thực

[Quên mật khẩu?](#)

[Chưa có tài khoản? Đăng ký](#)

Năm kê khai

Hướng dẫn sử dụng

> [Tờ khai](#)

[Sản xuất](#) [Nhập khẩu](#)

[Kê khai bao bì](#)

[Kê khai sản phẩm](#)

▼ Thêm mới

* Tên sản phẩm	* Mã SP	Đơn vị tính	Trong nước	Đơn giá	Xuất khẩu	Đơn giá
<input type="text" value="Tên sản phẩm"/>	<input type="text" value="Mã SP"/>	<input type="text" value="Đơn vị tấ..."/>	* Số lượng	<input type="text" value="0"/>	Số lượng	<input type="text" value="0"/>
			<input type="text" value="0"/>	<input type="text" value="0"/>	<input type="text" value="0"/>	<input type="text" value="0"/>

Ghi chú

[+ Thêm bao bì](#) [Lưu thông tin](#) [Khai lại](#)

[+ Thêm bao bì](#) | [Lưu thông tin](#) | [Khai lại](#)

[Nhập file](#) | [Xuất file](#) | [Tạo tờ khai](#) | [Xóa dòng](#)

<input type="checkbox"/>	TT	Danh mục sản phẩm, hàng hóa	Mã sản phẩm	Đơn vị tính	Bao bì	Quy cách đóng gói	Khối lượng 1 đơn vị SP (Kg)	Doanh thu trong nước		Doanh thu xuất khẩu		Tổng doanh thu	Ghi chú
								Số lượng	Đơn giá	Số lượng	Đơn giá		
<input type="checkbox"/>	1	Nước đóng chai 330ml	1234	Thùng		0	0	100	200,000 đ	0	0 đ	20,000,000 đ	
<input type="checkbox"/>	1.1	A.2.1. Bao bì nhôm	-		Bao bì trực tiếp	24	0.02	2400	-	0	-	-	Thùng gồm 24 lon nhôm
<input type="checkbox"/>	1.2	A.1.1. Bao bì giấy, carton	-		Bao bì ngoài	1	0.05	100	-	0	-	-	Thùng chứa
<input type="checkbox"/>	1.3	A.3.6. Bao bì đơn vật liệu mềm	-		Bao bì ngoài	4	0.02	400	-	0	-	-	thùng có 4 lốc



e-Policy

Thank You

 Lê Lương Anh

 098 688 0166

 anhll@e-policy.org

 www.e-policy.org

